

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2025/DS-ST

Ngày: 15 – 9 – 2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Minh Sơn**
2. Ông **Lê Trường Hận**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồng Thị Xuân** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thị Tiểu My** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 429/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Yến P**, sinh năm 1988

Nơi thường trú: khóm B, phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (nay là khóm B, phường G, tỉnh Cà Mau). Nơi ở hiện tại: số A lộ T, khóm A, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (số A lộ T, khóm B, phường B, tỉnh Cà Mau). *(Có mặt)*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh **Lê Anh D**, sinh năm 1980. Địa chỉ: khóm B, phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (nay là khóm B, phường G, tỉnh Cà Mau). *(Vắng mặt)*

2. Bị đơn: Chị **Tô Mỹ N**, sinh năm 1982 và anh **Lê Chí N1**, sinh năm 1981

Nơi thường trú: số C đường N, khóm A, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là số C đường N, khóm A, phường B, tỉnh Cà Mau). Nơi ở hiện tại: số I đường T, khóm A, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là số I đường T, khóm A, phường B, tỉnh Cà Mau). *(Chị N có mặt, anh N1 vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Yến P trình bày:*

Vào ngày 08/5/2017, chị có cho chị Tô Mỹ N vay số tiền gốc là 400.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng (đóng lãi vào ngày 08 hàng tháng), không thỏa thuận thời hạn thanh toán, khi nào chị cần lấy tiền thì báo trước cho chị N thanh toán. Việc vay tiền thì chị N có tự viết biên nhận ngày 08/5/2017 tại quán cà phê gần Công ty xổ số kiến thiết tỉnh B nơi chị N làm việc, chị đã giao tiền cho chị N nhận đủ số tiền 400.000.000 đồng bằng hình thức nhận tiền mặt. Khi vay tiền chỉ có mặt chị và chị N, ngoài ra không còn ai khác chứng kiến.

Sau khi vay thì chị N không có đóng lãi đúng hạn như thỏa thuận. Sau nhiều lần chị đòi thì đến ngày 02/7/2019 chị N có đóng lãi cho chị số tiền 35.000.000 đồng. Đến ngày 13/9/2019, chị N trả tiền lãi thêm số tiền 9.000.000 đồng. Tổng cộng chị N đã đóng lãi cho chị được số tiền 44.000.000 đồng. Ngoài ra, chị N có trả trực tiếp cho chị được số tiền gốc là 2.000.000 đồng (không nhớ ngày) và ngày 29/8/2024 chị N có chuyển khoản trả cho chị số tiền gốc là 2.000.000 đồng. Tổng cộng chị N đã trả cho chị được số tiền gốc là 4.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền gốc là 396.000.000 đồng.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Tô Mỹ N và anh Lê Chí N1 cùng có nghĩa vụ trả cho chị số tiền gốc là 396.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 03/7/2019 cho đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi suất 20%/năm và tính lãi ở giai đoạn thi hành án. Ngoài ra chị không còn yêu cầu gì khác.

** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Tô Mỹ N trình bày:*

Vào ngày 08/5/2017, chị có vay của chị P số tiền 400.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, không thỏa thuận thời hạn thanh toán. Việc vay tiền thì chị có tự viết biên nhận ngày 08/5/2017, chị P đã giao tiền cho chị nhận đủ số tiền 400.000.000 đồng. Khi vay tiền chỉ có mặt chị và P, ngoài ra không còn ai khác chứng kiến.

Sau khi vay tiền thì chị đã trả cho P được số tiền gốc là 4.000.000 đồng. Vào ngày 02/7/2019 chị có chuyển khoản trả cho chị P số tiền lãi là 35.000.000 đồng và ngày 13/9/2019 chị chuyển trả cho chị P số tiền lãi là 9.000.000 đồng như chị P trình bày là đúng.

Số tiền chị vay của chị P là để sửa chữa nhà, phục vụ sinh hoạt trong gia đình nên anh N1 có biết việc chị vay tiền của chị P. Nay chị P yêu cầu chị cùng anh N1 có nghĩa vụ trả nợ thì chị đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị P trả số tiền gốc là 396.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 03/7/2019 cho đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi suất 20%/năm. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

** Bị đơn anh Lê Chí N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn Lê Chí N1 chưa chấp hành quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Yến P đối với chị Tô Mỹ N và anh Lê Chí N1. Buộc chị Tô Mỹ N và anh Lê Chí N1 cùng có nghĩa vụ trả cho chị Lê Yến P số tiền vay gốc là 396.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 03/7/2019 đến ngày xét xử (ngày 15/9/2025) là 06 năm 02 tháng 12 ngày trên số tiền nợ gốc với mức lãi suất 20%/năm là 491.040.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 887.040.000 đồng.

Về án phí: Chị N và anh N1 phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị Lê Yến P khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với chị Tô Mỹ N và anh Lê Chí N1, chị N và anh N1 đang cư trú trên địa bàn phường B, tỉnh Cà Mau nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh N1 là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của đương sự: Chị P xác định vào ngày 08/5/2017 có cho chị N vay số tiền gốc 400.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5%/năm, không thỏa thuận thời hạn thanh toán. Khi vay tiền chị N có tự viết biên nhận ngày 08/5/2017 và chị N ký tên vào biên nhận. Chị N thừa nhận chữ viết và chữ ký trong biên nhận ngày 08/5/2017 do chị P cung cấp đúng là chữ ký và chữ viết của chị N. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự đây là tình tiết không phải chứng minh.

[4] Xét yêu cầu đối với số tiền gốc: Chị P cho chị N vay số tiền gốc là 400.000.000 đồng, sau khi vay chị N đã trả cho chị P được số tiền gốc là 4.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền gốc là 396.000.000 đồng. Chị N thừa nhận và đồng ý trả cho chị P số tiền gốc là 396.000.000 đồng nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P.

[5] Xét yêu cầu tính lãi: Chị P và chị N thống nhất khi vay tiền hai bên có thỏa thuận lãi suất, sau khi vay chị N có trả cho chị P được số tiền lãi là 44.000.000 đồng, đối với số tiền lãi đã đóng này các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét nên không đặt ra xem xét giải quyết. Chị P và chị N thống nhất, từ ngày 03/7/2019 đến nay chị N không có đóng lãi cho chị P nên chị P yêu cầu tính lãi từ

ngày 03/7/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất theo quy định pháp luật là 20%/năm, chị N đồng ý trả lãi theo yêu cầu của chị P và xét yêu cầu của chị P là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy, lãi suất sẽ được tính như sau: Từ ngày 03/7/2019 đến ngày xét xử (là ngày 15/9/2025), thời gian 06 năm 02 tháng 12 ngày trên số tiền gốc 396.000.000 đồng với mức lãi suất 20%/năm thì tiền lãi là 491.040.000 đồng.

[6] Xét yêu cầu của chị P yêu cầu anh N1 phải cùng có nghĩa vụ trả nợ: Xét thấy sau khi Tòa án thụ lý giải quyết, anh N1 đã được Tòa án thông báo về việc chị P khởi kiện yêu cầu chị N và anh N1 cùng có nghĩa vụ trả nợ, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho anh N1 nhiều lần nhưng anh N1 không đến Tòa án, cũng không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu của chị P. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Mặt khác, dù anh N1 không ký tên trong biên nhận vay tiền nhưng khoản vay này được vay trong thời kỳ hôn nhân, tại phiên tòa chị N thừa nhận trong quá trình sống chung chị N là người quản lý chi tiêu trong gia đình và số tiền vay của chị P là dùng để sửa chữa nhà sử dụng chung trong gia đình, chị N đồng ý cùng anh N1 có nghĩa vụ trả số tiền nợ này cho chị P nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chị P khởi kiện yêu cầu chị N và anh N1 cùng có nghĩa vụ trả nợ là phù hợp nên có căn cứ chấp nhận.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P đối với chị N và anh N1, buộc chị N và anh N1 cùng có nghĩa vụ trả cho chị P số tiền vay gốc là 396.000.000 đồng và tiền lãi là 491.040.000 đồng, tổng cộng là 887.040.000 đồng.

[8] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Chị N và anh N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 38.611.000 đồng. Chị P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Yến P đối với chị Tô Mỹ N và anh Lê Chí N1.

Buộc chị Tô Mỹ N và anh Lê Chí N1 cùng có nghĩa vụ trả cho chị Lê Yến P số tiền vay gốc là 396.000.000 đồng và tiền lãi là 491.040.000 đồng, tổng cộng là 887.040.000 đồng (Tám trăm tám mươi bảy triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Chị Tô Mỹ N và anh Lê Chí N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 38.611.000 đồng. Chị Lê Yến P không phải chịu án phí. Chị Lê Yến P đã dự nộp tạm ứng án phí 9.900.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000601 ngày 13 tháng 6 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Cà Mau) nên được nhận lại.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 6 – Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Ly